

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Bản án số: 12/2017/HNGĐ-PT

Ngày: 19-12-2017

V/v tranh chấp ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Thường

Các Thẩm phán:

Bà Hồ Tuấn Anh

Ông Võ Công Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Hậu là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định: Ông Đặng Xuân Nam - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2017/TLPT- HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp ly hôn.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 157/2017/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 11/2017/QĐ-PT ngày 06 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trương Đặng Thúy K; cư trú tại: Thôn N, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Q; cư trú tại: Thôn C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Định; có mặt.

- Người kháng cáo: Chị Trương Đặng Thúy K là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/02/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Chị Trương Đặng Thúy K trình bày:

Chị và Anh Nguyễn Văn Q đăng ký kết hôn vào ngày 22/01/2013 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Q trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc ba năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do Anh Q có nhiều lời nói xúc phạm chị và cha mẹ chị, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn với Anh Q.

Về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại bản tự khai, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Anh Nguyễn Văn Q trình bày:

Anh thống nhất như trình bày của Chị K về thời gian, điều kiện kết hôn. Nhưng về mâu thuẫn vợ chồng thì anh không công nhận vì từ khi kết hôn đến nay vợ chồng anh vẫn yêu thương nhau, không có mâu thuẫn gì lớn. Khoảng tháng 6/2016 vợ và mẹ vợ tự ý mua nhà tại thôn C, thị trấn T mà không bàn bạc thảo luận với anh nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn kinh cãi nhau, anh thấy mâu thuẫn vợ chồng chưa trầm trọng nên anh không đồng ý ly hôn với Chị K.

Về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bản án dân sự sơ thẩm số 157/2017/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định:

Bác yêu cầu của Chị K xin ly hôn Anh Q;

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định án phí hôn nhân sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 11/7/2017 nguyên đơn Chị K kháng cáo xin được ly hôn Anh Q.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình giải quyết vụ án, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời đề nghị chấp nhận kháng cáo của Chị K sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Chị K và Anh Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, Chị K và Anh Q thống nhất thuận tình ly hôn. Thấy rằng, sự tự thuận tình ly hôn của Chị K và Anh Q là thật sự tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình, Điều 300 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì Hội đồng xét xử

công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Do đó, chấp nhận kháng cáo của Chị K sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Chị K và Anh Q.

[2] Chị K tự nguyện chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Do kháng cáo của Chị K được chấp nhận, nên theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 thì Chị K không chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị chấp nhận kháng cáo của Chị K sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Chị K và Anh Q là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2015; khoản 5 Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14. Tuyên xử:

Chấp nhận kháng cáo của Chị Trương Đặng Thúy K sửa bản án sơ thẩm.

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Chị Trương Đặng Thúy K và Anh Nguyễn Văn Q.

2. Về án phí:

2.1. Chị Trương Đặng Thúy K phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002151 ngày 22 tháng 2 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, Chị K đã nộp xong.

2.2. Chị Trương Đặng Thúy K được nhận lại 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0002383 ngày 11 tháng 7 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

3. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

3.1 Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn

yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3.2 Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Thường